

## MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT .....	3
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	4
DANH MỤC CÁC HÌNH .....	5
CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ .....	6
1. Tên chủ cơ sở:.....	6
2. Tên cơ sở: .....	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:.....	11
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:.....	11
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở: .....	11
3.3 Sản phẩm cơ sở:.....	14
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở: .....	14
Căn cứ hoá đơn tiền nước các tháng đầu năm 2023, lượng nước sử dụng trên thực tế trung bình là 18,8 m <sup>3</sup> / ngày.đêm (tương đương 565 m <sup>3</sup> /tháng). .....	17
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	17
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG .....	19
1. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường .....	19
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường .....	19
CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	21
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	21
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	27
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường .....	30
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại (CTNH): .....	32
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	34
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường .....	34
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác .....	37
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	37

9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp (khi đề nghị cấp lại giấy phép môi trường quy định tại điểm c khoản 4 Điều 30 Nghị định này).....	38
10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học .....	38
CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG .....	39
CHƯƠNG V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	41
CHƯƠNG VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	44
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	44
CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ .....	47
CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ .....	48
PHỤ LỤC BÁO CÁO .....	49

**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

<b>Từ viết tắt</b>	<b>Diễn giải</b>
ATGT	An toàn giao thông
ATLĐ	An toàn lao động
BOD	Nhu cầu oxy sinh học
BTCT	Bê tông cốt thép
BVMT	Bảo vệ môi trường
CB CNV	Cán bộ công nhân viên
COD	Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	Chất thải nguy hại
DO	Lượng oxy hoà tan trong nước
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
KKXQ	Không khí xung quanh
MPĐ	Máy phát điện
NĐ – CP	Nghị định – Chính phủ
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
STNMT	Sở tài nguyên môi trường
UBND	Ủy ban Nhân dân
WHO	Tổ chức Y tế Thế giới
XLNT	Xử lý nước thải
KCN	Khu công nghiệp

## **DANH MỤC CÁC BẢNG**

Bảng 1. 1. Tọa độ các điểm góc khu vực nhà máy.....	7
Bảng 1. 2 Máy móc, trang thiết bị chính .....	13
Bảng 1. 3 Nhu cầu nguyên vật liệu.....	14
Bảng 1. 4 Nhu cầu nhiên liệu, hoá chất.....	15
Bảng 1. 5 Thành phần và nhu cầu dùng nước của nhà máy.....	16
Bảng 1. 6 Các hạng mục xây dựng và các công trình phụ trợ.....	17
Bảng 1. 7 Danh mục máy móc, thiết bị sử dụng cho việc xử lý môi trường của nhà máy .....	18
Bảng 3. 1: Kích thước các hạng mục công trình của HTXLNT.....	25
Bảng 3. 2 Máy móc, thiết bị của HTXLNT.....	26
Bảng 3. 3 Định mức điện năng, tiêu hao .....	27
Bảng 3. 4 Định mức hoá chất tiêu hao .....	27
Bảng 3. 5 Các thiết bị trong hệ thống xử lý khí thải lò hơi .....	29
Bảng 3. 6 Định mức điện năng tiêu hao .....	30
Bảng 3. 7 Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	37
Bảng 5. 1 Kết quả phân tích mẫu nước thải sau khi xử lý năm 2021.....	41
Bảng 5. 2 Kết quả phân tích mẫu nước thải sau khi xử lý năm 2022.....	41
Bảng 5. 3 Kết quả phân tích mẫu khí thải sau khi xử lý năm 2021.....	42
Bảng 5. 4 Kết quả phân tích mẫu khí thải sau khi xử lý năm 2022.....	43
Bảng 6.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm .....	44
Bảng 6. 2 Kế hoạch quan trắc chất thải trong thời gian vận hành thử nghiệm .....	44

## **DANH MỤC CÁC HÌNH**

Hình 1. 1 Vị trí cơ sở trên ảnh chụp vệ tinh .....	8
Hình 1. 2 Vị trí cơ sở trong sơ đồ mặt bằng tổng thể KCN Suối đầu .....	9
Hình 1. 3 Quy trình sản xuất dịch cá .....	11
Hình 1. 4 Quy trình sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản.....	12
Hình 1. 5. Đài chứa nước.....	16
Hình 3. 1 Đường thu gom nước mưa.....	22
Hình 3. 2 Vị trí hố ga đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung .....	23
Hình 3. 3 Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải .....	24
Hình 3. 4 Khu xử lý nước thải .....	25
Hình 3. 5 Hình chụp bể xử lý nước thải .....	25
Hình 3. 6 Sơ đồ xử lý khí thải .....	28
Hình 3. 7 Thùng chứa rác sinh hoạt .....	31
Hình 3. 8 Khu lưu chứa CTNH .....	33
Hình 3. 9 Hệ thống PCCC tại cơ sở.....	35

**CHƯƠNG I:  
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ**

**1. Tên chủ cơ sở:**

**Công ty TNHH Quốc tế Long Thăng**

-Địa chỉ trụ sở chính: Tại lô A1, A2 Khu công nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà.

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty:

**Ông Chen Ming Hsien** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.

- Điện thoại:0583.743191 Fax: 0583.743192

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 372023000038 do Ban quản lý khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hoà cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 26/07/2012 và cấp thay đổi lần thứ 5 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hoà, Phòng đăng ký kinh doanh cấp ngày 23/11/2020.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2186417074 do BQL Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hoà cấp lần đầu ngày 01/06/1999, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 02/02/2021

**2. Tên cơ sở:**

**Nhà máy sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản**

- Địa điểm cơ sở: Tại lô A1, A2 Khu công nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà.

+ Phía Đông giáp với Công ty TNHH thủy sản Thông Thuận.

+ Phía Tây giáp với đường số 10.

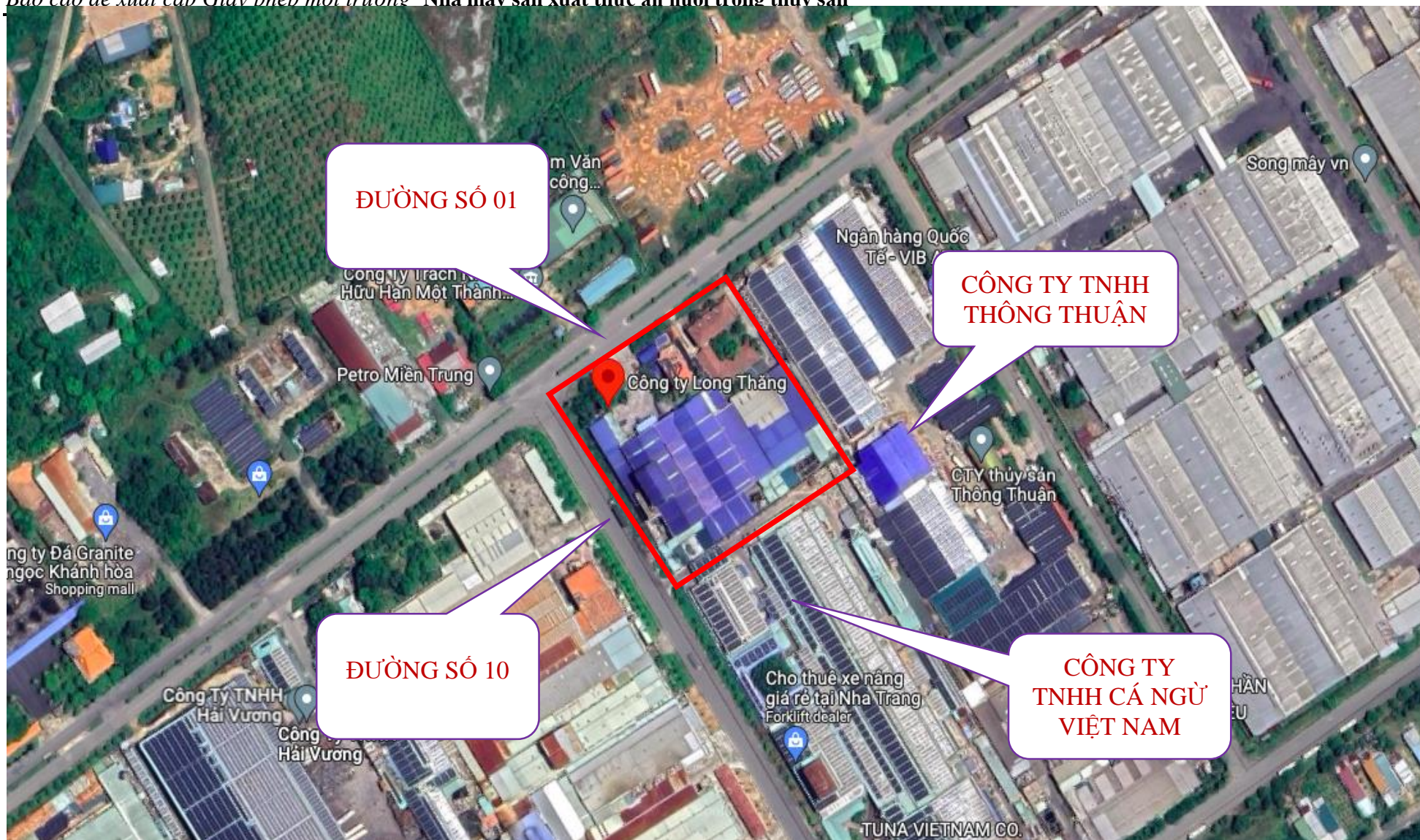
+ Phía Bắc giáp với đường số 01.

+ Phía Nam giáp Công ty TNHH Cá ngừ Việt Nam.

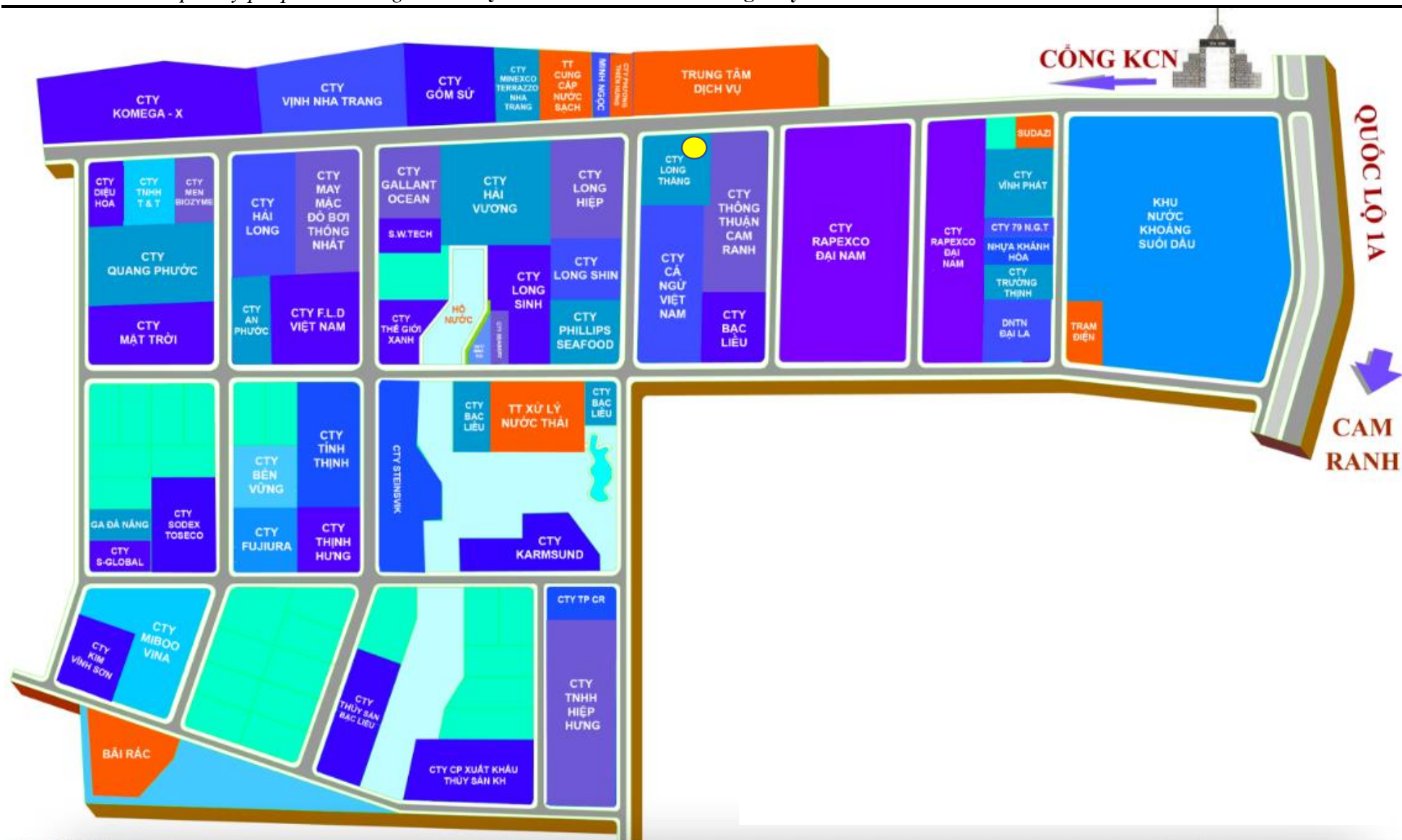
Tọa độ giới hạn khu đất như sau:

**Bảng 1. 1. Tọa độ các điểm góc khu vực nhà máy**

<b>Số hiệu đỉnh thửa</b>	<b>Tọa độ VN -2000</b>		<b>Chiều dài (m)</b>
	<b>X(m)</b>	<b>Y(m)</b>	
M1	1344284,07	589086,99	110,000
M2	1344195,01	589151,55	11,91
M3	1344188,23	589141,76	37,39
M4	1344167,22	589110,83	108,18
M5	1344258,94	589053,47	41,89



Hình 1. 1 Vị trí cơ sở trên ảnh chụp vệ tinh



Hình 1. 2 Vị trí cơ sở trong sơ đồ mặt bằng tổng thể KCN Suối dầu

**- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án (nếu có):**

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00081 QSDĐ/KH của UBND Khánh Hoà cấp ngày 20/9/2000;

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT – 01128 của UBND tỉnh Khánh Hoà cấp ngày 20/01/2012;

**- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần:**

+ Quyết định số 269/QĐ-STNMT, ngày 28/08/2014, của UBND tỉnh Khánh Hoà v/v phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của “Nhà máy sản xuất thức ăn và thuốc thú y nuôi trồng thủy sản” tại lô A1, A2 Khu Công nghiệp Suối Dầu thuộc xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. Hiện tại, Công ty đã đầu tư dây chuyền sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản (không sản xuất thuốc thú y) nên trong phạm vi báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường thống nhất sử dụng tên cơ sở là “Nhà máy sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản” cho phù hợp với hoạt động thực tế tại Công ty.

+ Công văn số 868/STNMT-CCBVMT, ngày 05/3/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hoà, v/v bổ sung nguyên liệu cá tươi phục vụ sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản;

+ Phiếu xác nhận hồ sơ đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 191/TNMT ngày 17/05/2004 của Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Khánh Hoà cấp cho Công ty TNHH Quốc tế Long Thăng;

+ Hợp đồng số Dịch vụ thoát nước thải số 04/2016/HĐDVNT-KCNSD giữa Công ty TNHH Quốc tế Long Thăng và Công ty CP Khu công nghiệp Suối Dầu;

+ Hợp đồng dịch vụ về việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường số 14/2020/HĐVCR-KCNSD giữa công ty cổ phần Khu công nghiệp Suối Dầu và Công ty TNHH Quốc tế Long Thăng;

+ Hợp đồng Kinh tế về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 46.02-ASTN/HĐKT-CTNH/2022 giữa Công ty TNHH Quốc Tế Long Thăng và Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh;

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

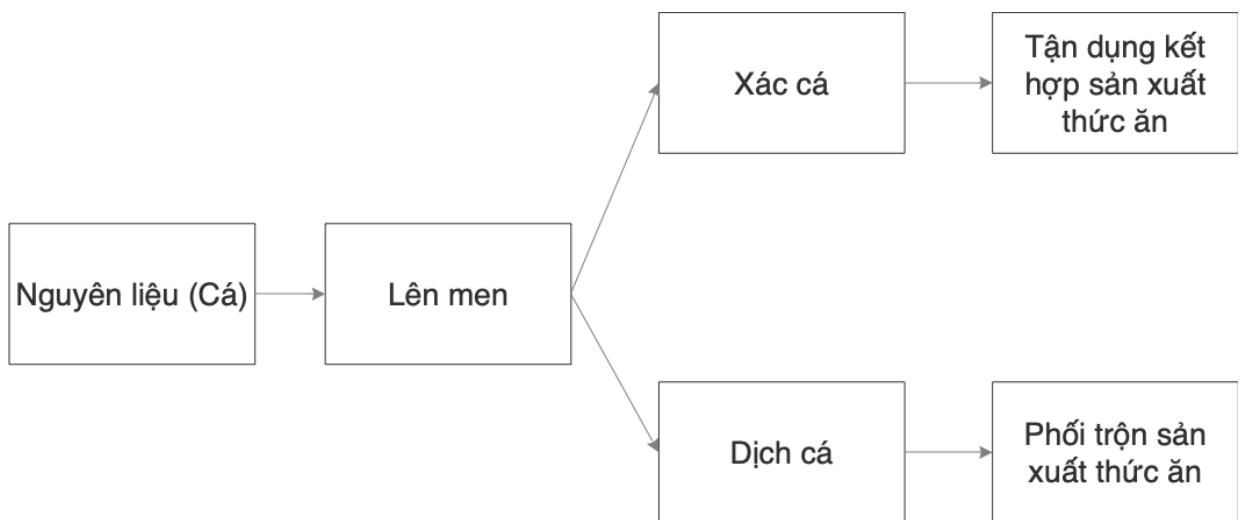
Cơ sở có tiêu chí tương đương với dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công) với tổng vốn đầu tư thực hiện: 173.680.000.000 VNĐ.

### 3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

#### 3.1. Công suất hoạt động của cơ sở: 27.000 tấn sản phẩm/năm

#### 3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

- Quy trình sản xuất dịch cá



**Hình 1. 3 Quy trình sản xuất dịch cá**

*Thuyết minh quy trình:*

- Tiếp nhận nguyên liệu: Nguyên liệu cá tươi từ nhà cung ứng sẽ vận chuyển xe đông lạnh tới công ty, cá tươi bỏ trong sọt, mỗi sọt 20kg, cá nhập nguyên con, không đứt gãy.

- Nhập nguyên liệu vào kho lạnh

- Xả cá: Cá được xả đông ở công đoạn này

- Xay nhuyễn:

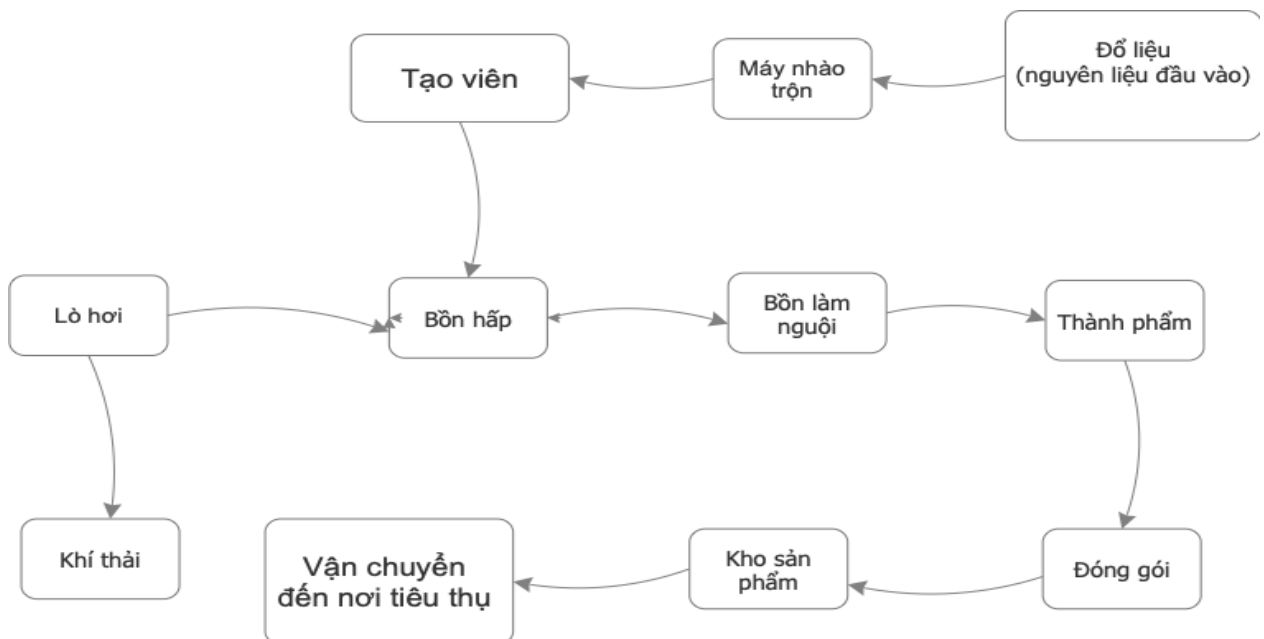
+ Chuẩn bị nước nóng tuần hoàn ở 75°C, mở bơm tuần hoàn gia nhiệt bồn lên men ở 50°C. Mở mô tơ khuấy bồn lên men.

+ Trang bị bảo hộ lao động: tạp dề nhựa, ủng cao su, khẩu trang, kính bảo hộ.

- + Chuẩn bị 0,025g bột men, 210 lít acid formic (tương đương 6 thùng).
- + Từng sọt cá đổ vào máy xay, nghiền nhỏ, đựng trong khay nhựa và đổ vào bồn lên men. Mỗi tấn cá có thể thêm 50 kg nước để dễ nghiền.
- + Sau khi nghiền 2,5 tấn cá thì đổ men và bơm 1,5 lít acid formic vào bồn lên men lại.
- + Sau khi nghiền 2,5 tấn cá còn lại thì bơm hết số acid formic còn lại.
- Ủ dịch cá: Nhiệt độ 50°C, thời gian 36 tiếng.
- Lưu trữ dịch cá:
  - + Dịch cá ủ đủ 36 tiếng, phòng QA lấy mẫu kiểm tra độ ẩm và pH của dịch cá có đạt hay không. Thông số tiêu chuẩn đạt pH: 3,5–4; ẩm: <80%.
  - + Màu: dịch cá thường cá màu xám (tùy thuộc vào từng loại nguyên liệu cá có màu sắc khác nhau).
  - + Dịch cá được lưu trữ trong các phuy (200 lít/phuy).

**- Quy trình công nghệ sản xuất thức ăn.**

Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất thức ăn của Nhà máy



**Hình 1. 4 Quy trình sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản**

- Nguyên liệu đầu vào là bã đậu nành, bột mì, bột cá, bột thịt gà, dầu sinh học, dịch cá, xác cá và một số phụ gia được đưa vào bồn trộn khi ly tâm 8-10 phút cho tới khi đều sản phẩm sau đó chạy qua dây chuyền tạo viên theo kích cỡ quy định sẵn.

- Viên tạo ra được được đựng trong các khay sẽ được đưa vào bồn hấp có nhiệt độ điều chỉnh từ 80 - 85 độ C trong 7 - 8 giờ. Sản phẩm ra khỏi bồn hấp được làm nguội bằng thông gió tự nhiên đến nhiệt độ không khí bình thường trước khi đóng bao bì. Khi đóng bao, sử dụng các loại bao như bao giấy 2 lớp hoặc 2 lớp bao. Sau khi đóng bao bì, bảo quản nguyên liệu thành phẩm ở nơi khô thoáng, không chất đống quá cao để phòng nguyên liệu thành phẩm tự phát nhiệt và hư hỏng.

- Lò hơi là nguồn cung cấp nhiệt cho bồn hấp qua môi chất dẫn nhiệt là hơi nước cao áp. Lò hơi được cấp nhiệt từ nhiên liệu đốt chính là củi trấu.

**- Máy móc thiết bị dùng trong sản xuất**

**Bảng 1. 2 Máy móc, trang thiết bị chính**

Stt	Tên thiết bị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Trình trạng sử dụng
1	Dây chuyền máy sản xuất thức ăn	2 cái	Đài Loan	2013	95%
2	Nồi hơi dây chuyền máy sản xuất nguyên liệu	1 cái	VN		100%
3	Hệ thống thiết bị lạnh	2 cái	Thái Lan	2013	100%
4	Hệ thống máy sàn - small plan sifter rotosta	7 cái	Đài Loan	2013	100%
5	Hệ thống khuôn tạo hạt-roller	12 cái	Đài Loan	2013	100%
6	Hệ thống máy đóng bao bì	2 cái	Đài Loan	2013	100%

7	Buồng đốt lò hơi 2t	1 cái	VN	2013 cải tạo lại	80%
8	Cân điện tử 80 tấn	1 cái	VN	2013	100%
9	Máy nén khí	1 cái	Đài Loan	2013	
10	Máy sấy âm	2 cái	VN	2013	
11	Xe nâng hàng 2,5 tấn	5 xe	Đài Loan	2013	100%
12	Máy nghiền cá 11kW	1 cái	Đài Loan	2016	
13	Vít tải 2,2kW	1 cái	Đài Loan	2016	
14	Bồn lên men 6 tấn	1 cái	Đài Loan	2016	
15	Bồn nước nóng	1 cái	Đài Loan	2016	
16	Motor khuấy 2,2kW	1 cái	Đài Loan	2016	

### **3.3 Sản phẩm cơ sở: Th3 Sản phẩm công nghệ thun phẩm**

#### **4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:**

**- Nguyên liệu, vật liệu phục vụ sản xuất**

**Bảng 1. 3 Nhu cầu nguyên vật liệu**

<b>STT</b>	<b>Nguyên vật liệu</b>	<b>Đơn vị/ tháng</b>	<b>Số lượng</b>
1	Đậu nành bóc vỏ	Tấn	200
2	Bột gan mực	Tấn	50
3	Bột cá	Tấn	100
4	Bột thịt gà	Tấn	100
5	Bột trấu pha dầu	Tấn	0,1

6	Bột mì	Tấn	300
7	Dầu Cá	Tấn	20
8	Cá tươi nguyên liệu	Tấn	40

- Nhiên vật liệu phục vụ hoạt động nhà máy:

**Bảng 1. 4 Nhu cầu nhiên liệu, hoá chất**

STT	Nhu cầu về nhiên liệu	Đơn vị tính	Số lượng
1	Nhu cầu về tiêu thụ điện	Kw/ tháng	284.784
2	Nhu cầu về nhiên liệu đốt (củi trâu)	Tấn/ ngày. đêm	1,5 tấn
3	Nhu cầu về hoá chất và nhiên liệu khác		
	Xà phòng, chất tẩy rửa chlorine, javen	Kg/ tháng	10
	Dầu DO (Dùng cho xe nâng)	Lít/ tháng	4000
	Axit formic	Lít/ tháng	3.360
	Men ủ cá	g/ tháng	0,4

#### **4.3. Hệ thống cấp điện và nhu cầu sử dụng điện:**

Nguồn điện cung cấp cho hoạt động của nhà máy được lấy từ nguồn lưới điện trong Khu công nghiệp Suối Dầu.

#### **4.4. Hệ thống cấp nước:**

- Nguồn nước cấp cho sản xuất và sinh hoạt của nhà máy được lấy từ đường ống cấp nước của khu công nghiệp Suối Dầu dẫn về bể chứa nước ngầm có dung tích 120 m<sup>3</sup> đặt âm dưới mặt đất sau đó bơm lên đài chứa nước có thể tích 15 m<sup>3</sup> đặt phía sau Nhà máy phân phối đến các vị trí sử dụng nước.



**Hình 1. 5. Đài chứa nước**

- Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở:

**Bảng 1. 5 Thành phần và nhu cầu dùng nước của nhà máy**

STT	Thành phần dung nước	Nhu cầu sử dụng	Lưu lượng trung bình (m <sup>3</sup> / ngày,đêm)
<b>I</b>	<b>Sử dụng hàng ngày</b>		
1	Nước sinh hoạt cho nhân viên (117 người)	5 m <sup>3</sup> / ngày đêm	27 m <sup>3</sup> / ngày đêm
2	Nước cấp cho sản xuất gồm: nước rửa sàn, nước rửa tay công nhân....		
2.1	Nước rửa xe, rửa tay chân cho công nhân...	17 m <sup>3</sup> / ngày đêm	
2.2	Nước rửa sàn	2 – 3 m <sup>3</sup> / ngày.đêm	
3	Nước dùng cho hệ thống hấp thụ của thiết bị xử lý khí thải lò hơi	1 m <sup>3</sup> / ngày.đêm	
4	Nước tưới cây, rửa đường	1 m <sup>3</sup> /ngày.đêm	

<b>II</b>	<b>Nước dự trữ, tái sử dụng</b>		
1	Nước dự trữ cho hệ thống PCCC		80
2	Nước cấp cho lò hơi (tái sử dụng)	3 m <sup>3</sup> / ngày đêm	

Căn cứ hoá đơn tiền nước các tháng đầu năm 2023, lượng nước sử dụng trên thực tế trung bình là 18,8 m<sup>3</sup>/ ngày.đêm (tương đương 565 m<sup>3</sup>/tháng).

(đính kèm hoá đơn tiền nước các tháng 1,2,3/2023 ở phụ lục).

## 5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

**Bảng 1. 6 Các hạng mục xây dựng và các công trình phụ trợ**

STT	Hạng mục	Công năng
<b>A</b>	<b>Các công trình xây dựng chính của cơ sở</b>	
1	Xưởng sản xuất chính, xưởng thủy sản	Nơi trực tiếp sản xuất ra các sản phẩm, sản xuất dịch cá lên men
2	Kho thành phẩm	Lưu chứa sản phẩm sản xuất
3	Kho nguyên liệu số 1	Lưu chứa nguyên liệu sản xuất
4	Kho nguyên liệu số 2	Lưu chứa nguyên liệu sản xuất
5	Kho bao bì	Lưu chứa bao bì sản xuất
<b>B</b>	<b>Công trình phụ trợ</b>	
1	Nhà nghỉ của Công ty	Nơi nghỉ ngơi cho ban giám đốc, khách
2	Nhà Căn tin	Phục vụ ăn trưa cho công nhân viên nhà máy
3	Nhà để xe	Dùng đỗ xe ô tô và xe máy
4	Nhà bảo vệ	Trông giữ tài sản và quản lý nhân sự ra vào
5	Đường nội bộ	Vận chuyển nguyên vật liệu sản xuất

**Bảng 1. 7 Danh mục máy móc, thiết bị sử dụng cho việc xử lý môi trường của nhà máy**

<b>STT</b>	<b>Máy móc, thiết bị, vật liệu</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Công suất</b>	<b>Tình trạng sử dụng</b>
1	Hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 2000 kg/h	01	2 tấn/ giờ	100%
2	Máy bơm nước tưới vào mùa khô để giảm bụi	03	3HP	70%
3	Thùng rác	12	Thùng	100%
4	Bể tự hoại 3 ngăn	02	Bể	100%
5	Kho lưu trữ chất thải nguy hại	01	21 m <sup>2</sup>	-
6	Quạt hút	01	(10.000 m <sup>3</sup> /giờ)	-

## **CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

### **1. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường**

- Nhà máy sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản được thực hiện tại lô A1, A2 KCN Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. KCN Suối Dầu, tỉnh Khánh Hòa được thành lập theo Quyết định số 951/1997/QĐ-TTg ngày 11/11/1997 của Thủ tướng Chính phủ với diện tích đất sử dụng là 152 ha. Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Dự án “Xây dựng – Kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Suối Dầu” đã được Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 170/QĐ-MTg ngày 24/12/1998.

- Các ngành nghề thu hút đầu tư tại KCN Suối Dầu bao gồm: Chế biến rau quả, thực phẩm đóng hộp; Chế biến thủy sản xuất khẩu; Sản xuất quần áo, giày dép, hàng nhựa gia dụng và đồ chơi trẻ em; Sản xuất các mặt hàng điện, điện tử, cơ khí chính xác cao; Sản xuất nhựa cao cấp, kính xe; Gia công hàng thủy sản khô; Sản xuất văn phòng phẩm, nhạc cụ, dụng cụ thể thao và dụng cụ y khoa... Vì vậy việc hoạt động của Cơ sở là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển ngành hiện nay của KCN Suối Dầu.

### **2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường**

#### **2.1. Đối với nước thải**

Nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân và từ quá trình sản xuất đều được Công ty thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại và hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom và chuyển về trạm XLNT tập trung của KCN (công suất thiết kế 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm). Nước thải của KCN Suối Dầu sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, K<sub>q</sub> = 0,9; K = 1) được xả thải ra môi trường theo giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 157/GP-BTNMT ngày 15/9/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

#### **2.2. Đối với khí thải**

Khí thải phát sinh từ lò hơi (sử dụng nhiên liệu đốt là củi trấu thân thiện với môi trường) của Công ty được thu gom qua hệ thống xử lý khí thải đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi xả thải ra môi trường. Các kết quả quan trắc môi trường Nhà máy

thực hiện hàng năm cho thấy các thông số ô nhiễm trong khí thải đều nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép.

### **2.3. Đối với chất thải rắn**

Chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động đều được Công ty thu gom và chuyên giao cho các đơn vị có chức năng để xử lý theo đúng quy định.

Như vậy, việc hoạt động của Nhà máy sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản là hoàn toàn phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

## **CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

### **1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải**

#### **1.1. Thu gom, thoát nước mưa**

Nước mưa được quy ước là nước sạch không chứa các chất độc hại. Nước mưa từ mái tole của các công trình theo các ống đứng (bằng nhựa PVC, Ø90) chảy xuống, cuốn theo đất cát, chất cặn bã... được thu gom vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa. Nước mưa từ sân, bãi các khu vực sẽ chảy tràn theo cao độ địa hình chảy vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa của toàn cơ sở;

Các thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom và thoát nước mưa như sau:

- Độ dốc mặt nền  $i=0,1\%$  bố trí hệ thống thoát nước mưa phân thành từng đoạn dọc bên đường, tuyến giao thông khu vực.

- Hệ thống ga thu trên tuyến đặt cách nhau khoảng 40 – 70m. Yêu cầu kỹ thuật đối với các tuyến ống:

+ Độ sâu đỉnh ống  $h \geq 0,5\text{m}$ , độ dốc đáy ống  $\geq 0,1\%$ .

+ Các số liệu thiết kế cụ thể:

~ Cống BTCT đúc sẵn D200: 300m.

~ Hố ga các loại: 09 hố ga (được xây dựng bằng bê tông chống thấm, kích thước 1 x 1 m).

~ Cửa xả nước mưa: 02 cái (có lưới sắt giúp ngăn rác);

Hướng thoát nước mưa theo đường giao thông nội bộ thoát nước cho toàn khu vực nhà máy, sau đó dẫn về hệ thống thoát nước mưa chung của KCN tại vị trí phía Bắc (nằm trên đường số 01) và phía Tây (nằm trên đường số 10) của nhà máy.



**Hình 3. 1 Đường thu gom nước mưa**

## **1.2. Thu gom, thoát nước thải**

### **- Nguồn nước thải của cơ sở gồm các loại sau:**

+ **Nước thải sinh hoạt:** phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của CBCNV với lưu lượng khoảng 5 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Việc bố trí nhà vệ sinh để phục vụ nhu cầu sinh hoạt, vệ sinh của CBCNV nhà máy như sau:

~ Tại Khu nhà xưởng sản xuất chính có 1 dãy nhà vệ sinh với 3 phòng nam và 2 phòng nữ .

~ Tại Khu nhà văn phòng có 2 dãy nhà vệ sinh với 6 phòng Nam và 6 phòng nữ.

+ **Nước thải sản xuất:** bao gồm 3 nguồn:

~ Nước vệ sinh: phát sinh từ quá trình rửa xe, rửa tay của công nhân... với lưu lượng khoảng 17 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

~ Nước rửa sàn: phát sinh từ hoạt động sản xuất dịch cá với lưu lượng khoảng 2 – 3 m<sup>3</sup>/ ngày.đêm.

+ Nước thải sau hấp thụ của thiết bị xử lý khí thải lò hơi: Được cấp sử dụng cho lò hơi với lưu lượng khoảng 01 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Lượng nước này được tái sử dụng, sau đó một phần bốc hơi tự nhiên. Định kỳ, khi khả năng làm mát suy giảm sẽ được hút và bơm về HTXLNT của cơ sở để xử lý.

**- Công trình thu gom, xử lý, thoát nước thải đã xây dựng bao gồm:**

+ Nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh được thu gom và xử lý bằng bể tự - hoại 03 ngăn, sau đó được cho dẫn về HTXLNT nhà máy.

+ Nước thải từ hoạt động sản xuất tại các khu vực này sẽ được thu gom theo các tuyến mương thu gom nước thải và dẫn về HTXLNT nhà máy.

+ HTXLNT của nhà máy có công suất xử lý 50 m<sup>3</sup> nước thải/ ngày đêm. Sau khi xử lý sơ bộ được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Suối Dầu để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN để tiếp tục xử lý. Vị trí hố ga đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung nằm trên đường số 10 ở phía Tây nhà máy (toạ độ hố ga đầu nối theo hệ VN 2000, kinh tuyến trực 108<sup>0</sup>15', múi chiều 3<sup>0</sup> là: X(m) = 1344135; Y(m) = 589054 ).

*(đính kèm hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải với KCN Suối Dầu số 04/2016/2013/HĐXLNT-KCNSD)*

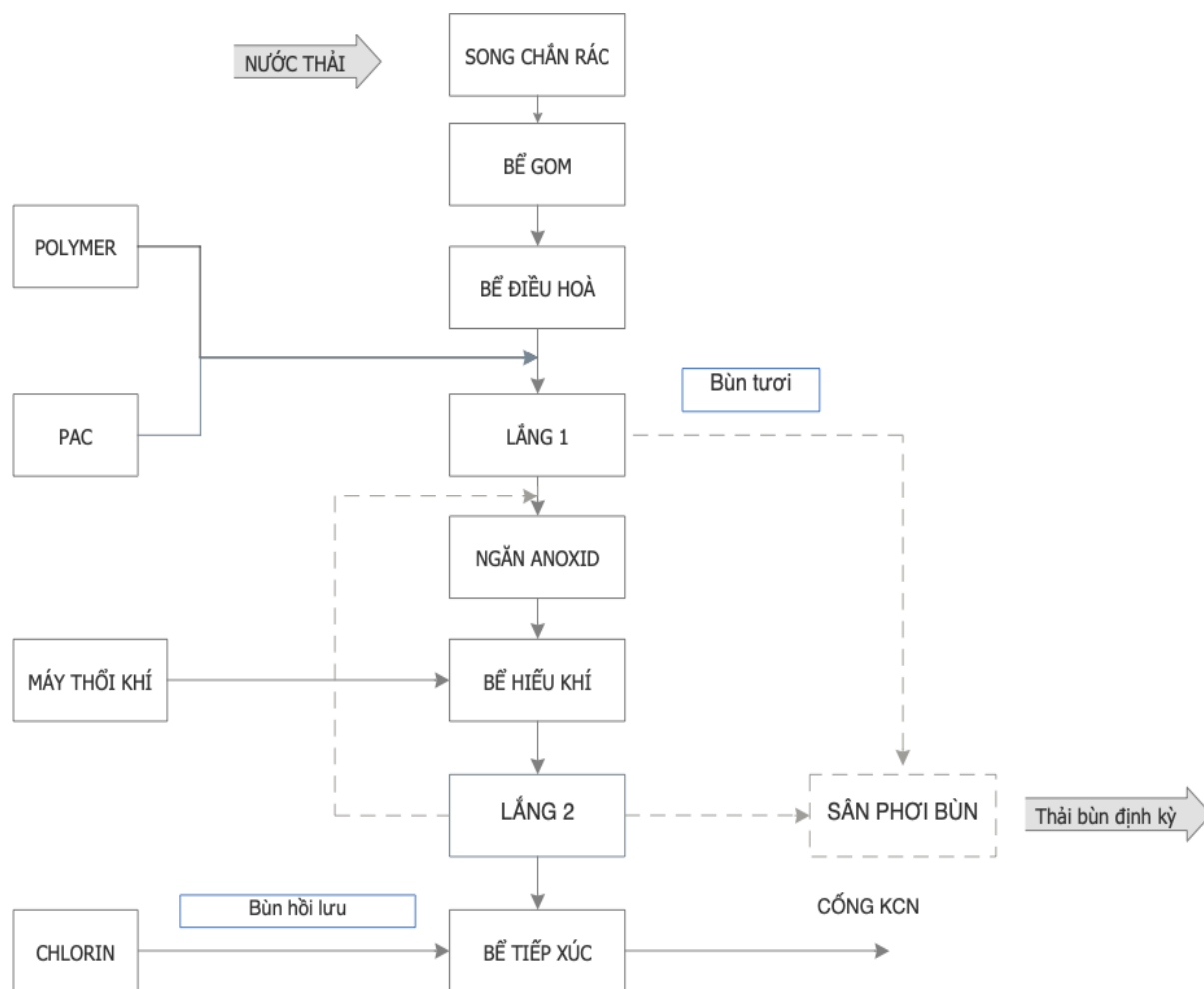


**Hình 3. 2 Vị trí hố ga đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung**

### 1.3. Xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn và nước thải sản xuất được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm của nhà máy để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Suối Dầu

- Sơ đồ công nghệ của HTXLNT nhà máy như sau:



**Hình 3. 3** Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải

- Thuyết minh công nghệ XLNT:

Nước thải Nhà máy được thu gom theo mương dẫn, qua lưới chắn rác rồi chảy vào bể gom. Từ bể gom nước thải được bơm về bể điều hoà. Bể điều hoà có tác dụng điều hoà lưu lượng và nồng độ các chất nhiễm bẩn trong nước thải. Sau bể điều hoà nước thải được trích polymer và PAC giúp cho những chất rắn lơ lửng (TSS) trong nước thải tạo bông và lắng tốt tại bể lắng 1, trước khi qua hệ thống trộn vào bể sục khí (hiếu khí) với một lưu lượng ổn định. Tại bể sục khí nhờ có quá trình ôxy hoá được thực hiện triệt để bằng thiết

**Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường “Nhà máy sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản”**  
bị hồi lưu bùn hoạt tính, hệ thống cấp – hoà trộn ôxy vào nước, hàm lượng BOD, COD được loại bỏ.

Sau khi hàm lượng chất ô nhiễm trong nước thải được xử lý và giảm một cách đáng kể trong bể sục khí, nước tự chảy vào bể lắng 2, tại bể lắng 2 theo nguyên tắc lắng cơ học, bùn lắng này được hồi lưu về bể sục khí một phần để duy trì nồng độ bùn trong là sục 3000 mg/1, phần còn lại đưa về bể thu gom bùn và sân phơi bùn. Nước thải sau khi qua bể lắng sẽ qua bể tiếp xúc khử trùng. Tại đây nước được châm thêm một lượng clorin nhất định để khử trùng trước khi thải ra ngoài, đảm bảo được các tiêu chuẩn đối với nguồn tiếp nhận loại B (hệ thống xử lý KCN). Bùn từ bể lắng 1 được xả định kỳ về sân phơi bùn, bùn nổi được vớt hàng ngày, phơi khô và vận chuyển cùng chất thải rắn của nhà máy.



**Hình 3. 4 Khu xử lý nước thải**



**Hình 3. 5 Hình chụp bể xử lý nước thải**

**Bảng 3. 1: Kích thước các hạng mục công trình của HTXLNT**

Hạng mục	Dài (m)	Rộng (m)	Cao thiết kế (m)	Thể tích sử dụng (m <sup>3</sup> )
Bể gom nước thải	2,5	2,5	4	25
Bể điều hòa	21	3	4	250
Bể lắng 1	2	1	4	8

*Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường “Nhà máy sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản”*

Bể sục khí (hiếu khí)	3,25	3	4	39
Bể lắng và hồi bùn	1,5	1	2	3
Bể lắng 2	0,5	0,5	2	0,5
Bể lắng 3	2,5	0,5	2	2,5

**Bảng 3. 2 Máy móc, thiết bị của HTXLNT**

STT	Thiết bị, máy móc	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Song chắn rác	-	1
2	Bơm chìm	- Lưu lượng 10 m <sup>3</sup> /h - Cột áp 10m - Công suất: 0,75 KW ; 380V; 50Hz	3
3	Máy bơm công nghiệp	- Công suất: 1 HP (0,75 KW); - Đường kính họng xả 49 mm; - Lưu lượng: 7 m <sup>3</sup> /h	1
4	Máy thổi khí	- Công suất: 10 HP (7,5 KW); - Lưu lượng: 2 m <sup>3</sup> /phút - Cột áp: 5m - Phụ kiện kèm theo - Điện áp: 3 pha, 380 V	2
6	Bơm định lượng hoá chất	- Kiểu bơm: Bơm màng - Công suất: 45W - Lưu lượng: 49 lít/h - Cột áp: 10PSI - Điện áp: 1 pha, 220V, - 50Hz	2
5	Phao điện	-	3

**Bảng 3. 3 Định mức điện năng, tiêu hao**

STT	Thiết bị tiêu thụ điện	Số lượng	Định mức tiêu hao (KW.h)	Tình trạng hoạt động	Số giờ hoạt động (h)	Điện năng tiêu thụ
1	Bơm định lượng hóa chất	02	0,045	Đồng thời	10	0,9
2	Bơm chìm	03	0,75	Đồng thời	10	22,5
3	Máy thổi khí	02	7,5	Theo pha nối tiếp	10	150
4	Máy bơm công nghiệp	01	0,75	Đồng thời	10	7,5
Tổng KW tiêu thụ hàng ngày						180,9

**Bảng 3. 4 Định mức hoá chất tiêu hao**

STT	Tên hóa chất/ chế phẩm	Xuất xứ	Đơn vị	Khối lượng
1	Clorine	Trung Quốc, Việt Nam	Kg/ngày	1,5
2	PAC	Trung Quốc	Kg/ngày	1,5

## 2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

### 2.1 Nguồn chất thải khí

- Khí phát thải từ phương tiện giao thông: chủ yếu là xe ô tô đưa đón CBCNV, xe gắn máy, xe chở hàng ra vào hàng ngày.

- Khí thải phát sinh từ lò hơi có công suất 2 tấn/ giờ.

### 2.2 Công trình, biện pháp xử lý khí thải

#### - Khí thải phát sinh từ hoạt động giao thông

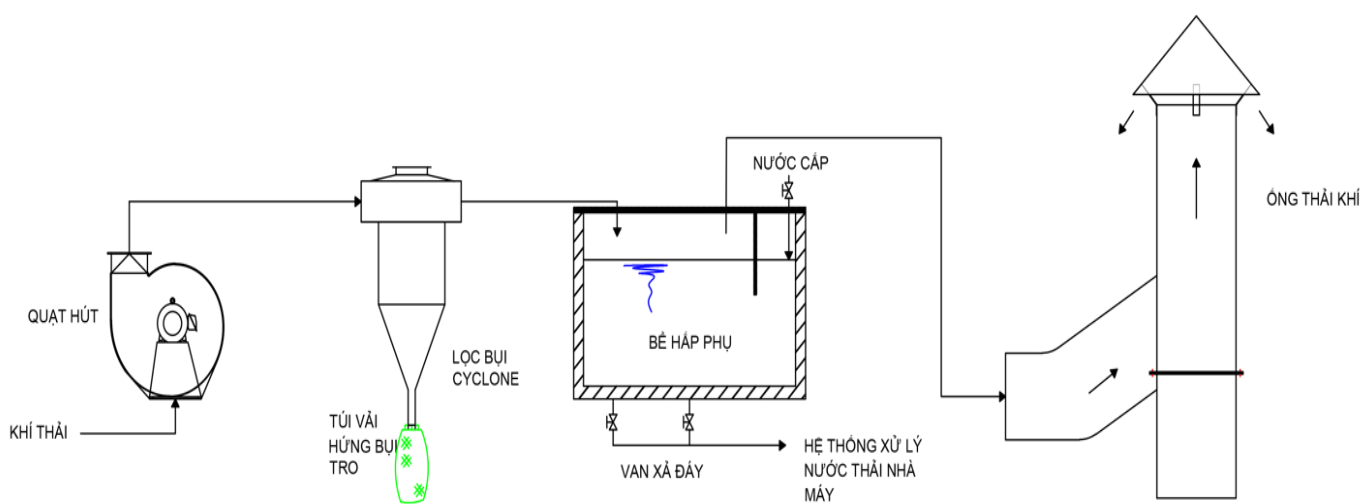
+ Các phương tiện giao thông hoạt động trong cơ sở: xe tải, xe oto... và các phương tiện vận tải chuyên dụng khác phải đáp ứng các QCVN về phát thải các khí ô nhiễm và tiếng ồn.

+ Yêu cầu chủ phương tiện giao thông cần bảo dưỡng xe đúng kỳ hạn nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí.

**- Khí thải phát sinh từ lò hơi 2 tấn hơi/giờ**

Lò hơi của cơ sở có công suất 2 tấn/ giờ, sử dụng nhiên liệu là củi trấu khoảng với khối lượng khoảng 200 kg/ngày .đêm, nên trong thành phần khí thải có thành phần chủ yếu là bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, đặc biệt là CO. Do đó cơ sở sử dụng phương pháp khử bụi bằng cyclon kết hợp hấp thụ bằng nước. HTXLKT được công ty lắp đặt và đưa vào vận hành năm 2013. Hiện tại, công ty sử dụng một quạt hút có công suất tối đa là 10.000 m<sup>3</sup>/h nên lưu lượng khí thải phát sinh tối đa khoảng 8.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Sơ đồ công nghệ HTXLKT như sau:



**Hình 3. 6 Sơ đồ xử lý khí thải**

- *Thuyết minh công nghệ:*

Khí thải sinh ra từ lò hơi có nhiệt độ rất cao được sục vào trong bể tản nhiệt kín chứa nước lạnh để giảm nhiệt độ. Dòng khí mang theo nhiệt độ cao làm nước trong bể nóng lên. Nước nóng trong bể tản nhiệt đi theo ống dẫn được lưu thông với bể làm mát. Máy thổi khí cung cấp khí tươi cho hệ thống đường ống sục nước dưới đáy của bể làm mát, kết quả nước trong bể này được làm mát và tuần hoàn trở lại bể tản nhiệt theo dòng đối lưu.

+ Nhiệt độ dòng khí thải tại bể tản nhiệt được giảm xuống đáng kể, dòng khí đi lên từ đáy bể sẽ theo đường ống dẫn khí đi đến tháp giải nhiệt. Tại đây được trí hệ thống giàn phun mưa cùng với hai lớp vật liệu lọc với các vách ngăn tràn. ng dịch hấp phụ được bơm

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường “Nhà máy sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản”

từ bể chứa dung dịch theo ống dẫn đến giàn phun a. Nhờ sự phân bố đều dung dịch trên toàn bộ tiết diện ngang của 2 lớp vật liệu đã làm cho khả năng tiếp xúc giữa dòng khí và dung dịch tăng cao.

+ Các chất rắn CaSO<sub>x</sub> được lắng nhờ hệ thống lắng ly tâm được đặt trong chứa dung dịch. Cặn lắng được bơm vào bể chứa bùn và đem đi xử lý, dung dịch hấp phụ được bơm tuần hoàn trở lại tháp.

+ Khí SO<sub>2</sub>, chuyển động với vận tốc cao 5,5 – 6 m/s để hòa trộn với chất lỏng mang theo các hạt sương. Màng tách nước được đặt ở tầng trên cùng của có thể tháp có chức năng giữ lại các hạt sương bị mang theo cùng dòng khí đi lên. Ngoài ra màng này cũng có nhiệm vụ hấp phụ lượng khí thải còn sót lại ở 2 lớp vật liệu lọc bên dưới.

+ Buồng đốt: Nhiên liệu (than, củi), không khí được cấp vào buồng đốt, tại đây xảy ra quá trình cháy cung cấp năng lượng để đun sôi nước thành hơi, nhiệt độ làm việc tối đa tại buồng là 174°C.

+ Xyclon: Khí thải qua xyclon sẽ được khử một phần bụi theo phương pháp ly tâm, trọng lực đây bụi sẽ văng ra khỏi dòng khí và vào thành xyclon và rơi xuống đáy.

+ Bể nước hấp thụ: Khí thải sau khi qua xyclon sẽ còn một phần bụi và các khí SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>... được thổi vào hồ nước hấp thụ, tại đây, phần bụi còn lại trong khí thải sẽ bị dính ướt và bị giữ lại hồ nước hấp thụ, tro than, củi trấu có chứa nhiều kiềm (chủ yếu là KOH) sẽ tan vào nước, tại đây xảy ra quá trình phản ứng giữa kiềm và các khí SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>... các khí này sẽ bị giữ lại một phần làm cho hàm lượng các chất trong dòng khí đi ra sẽ giảm đáng kể. Bồn nước hấp thụ còn nhiệm vụ giảm nhiệt độ của khí thải.

+ Ống khói: Khí thải sau khi qua bồn nước hấp thụ sẽ được đưa qua ống khói cao 16m sau đó thải ra môi trường.

**Bảng 3. 5 Các thiết bị trong hệ thống xử lý khí thải lò hơi**

TT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng
	Ống khói chính (Ø60, 12 m), có mũ tán khí, làm bằng inox chống gỉ nguyên chất	bộ	1
2	Xyclon lọc bụi	hệ	1
3	Ống nối dẫn khí	bộ	1

*Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường “Nhà máy sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản”*

3	Bể nước hấp thụ, làm mát	bể	1
4	Quạt hút 10HP, nhập khẩu	cái	1
6	Bơm nước 1 HP, nhập khẩu	cái	2

**Bảng 3. 6 Định mức điện năng tiêu hao**

STT	Thiết bị tiêu thụ điện	Số lượng	Định mức tiêu hao (KW.h)	Tình trạng hoạt động	Số giờ hoạt động (h)	Điện năng tiêu thụ
1	Quạt hút	1	7,5	Đồng thời	4	30
Tổng KW tiêu thụ hàng ngày						30

- Hóa chất sử dụng: Không có;

### **3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường**

#### **3.1. Rác thải sinh hoạt**

##### **3.1.1. Nguồn phát sinh chất thải sinh hoạt:**

Chất thải sinh hoạt chủ yếu là từ căn tin và văn phòng làm việc. Hiện nay tổng số cán bộ công nhân viên toàn nhà máy là 117 người. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ 117 công nhân viên theo thực tế hiện nay khoảng 20kg/ngày. đêm. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu là chất hữu cơ dễ phân hủy, bì nhựa, vỏ trái cây, hộp com...

##### **3.1.2. Biện pháp xử lý:**

Chất thải sinh hoạt được thu gom và chứa vào thùng rác có nắp đậy riêng theo từng khu vực riêng như sau:

+ Tại khu vực nhà xưởng chính: bố trí 04 thùng rác loại 240 lít có ghi nhãn mác tại cửa chính ra vào nhà xưởng.

+ Tại khu vực đường nội bộ bố trí các thùng rác loại 240 lít tại các vị trí thuận tiện cho công nhân viên đổ thải như: nhà để xe, trước nhà làm việc, trước căn tin....

+ Tại khu vực căn tin bố trí 01 thùng rác loại 240 lít tại phòng ăn của căn tin.

+ Tại văn phòng làm việc: mỗi bàn làm việc của nhân viên đều được bố trí 01 thùng đựng rác loại 11,5 lít chủ yếu là giấy tờ thải.

### Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường “Nhà máy sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản”

+ Tại nhà nghỉ cho công nhân: phòng đều được bố trí 01 thùng đựng rác loại 11,5 lít chủ yếu là rác thải sinh hoạt. Lượng chất thải này hàng ngày sẽ được công nhân của Nhà máy thu gom phân loại rác tại nguồn một số chất thải như: giấy, bì nilon, bao bì... được công nhân thu gom bán cho vựa ve chai. Một số chất thải hữu cơ như: vỏ trái cây, thức ăn dư... được công nhân tập trung rác tại vị trí tập kết rác trước cổng nhà máy, hàng ngày đội thu gom rác của Công ty cổ phần KCN Suối Dầu đến thu chuyển và xử lý theo hợp đồng dịch vụ về việc thu gom và vận chuyển rác đã được ký kết. Tần suất thu gom: 1 lần/ngày.



**Hình 3. 7 Thùng chứa rác sinh hoạt**

*(đính kèm hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý rác sinh hoạt ở phụ lục)*

### **3.2. Chất thải sản xuất (Chất thải công nghiệp thông thường):**

#### **a. Phế liệu sản xuất:**

- Nguồn gốc phát sinh: Phế liệu sản xuất phát sinh là bao bì đựng nguyên vật liệu sản xuất, thùng đựng nguyên vật liệu.... Khối lượng phát sinh ước tính khoảng 1.000kg/tháng.

- Biện pháp xử lý: Bố trí 01 kho chứa phế liệu, kho này có diện tích khoảng 30 m<sup>2</sup>, được chia thành 02 khu (01 khu chứa phế liệu giấy, 01 khu chứa các loại phế liệu còn lại) mái tôn che kín, tường gạch, không thấm dột, nền xi măng, cao độ nền so với sân là 0,5 m đảm bảo không bị ngập; mặt nền bảo đảm kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu và tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài. Sau đó định kỳ khoảng 01 lần /tháng sẽ thuê đơn vị đến thu mua, vận chuyển, tái sử dụng.

**b. Bùn thải:**

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải: số lượng phát sinh khoảng 1 tấn/năm.

- Bùn thải phát sinh từ bể tự hoại: phát sinh khoảng 0,3 tấn/năm

Công ty định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý đúng quy định

**4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại (CTNH):**

**4.1. Nguồn phát sinh:** CTNH phát sinh từ quá trình hoạt động của Nhà máy tại thời điểm lập báo cáo là 803 kg/năm, cụ thể như sau:

<b>STT</b>	<b>Tên CTNH</b>	<b>Trạng thái tồn tại</b>	<b>Mã CTNH</b>	<b>Số lượng (kg/năm)</b>
1	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn thải khác (dầu nhớt thải)	Lỏng	17 02 04	434
2	Giẻ lau dính dầu thải	Rắn	18 02 01	100
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	9
4	Thiết bị điện tử thải	Rắn	19 02 06	44
5	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	0
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa có chứa TPNH	Rắn	18 01 03	99
7	Bao bì cứng thải bằng kim loại có chứa TPNH	Rắn	18 01 02	113
8	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	4

*(đính kèm chứng từ thu gom CTNH năm 2022 ở phụ lục)*



**Hình 3. 8 Khu lưu chứa CTNH**

#### **4.2. Biện pháp quản lý và xử lý chất thải nguy hại:**

Công ty đã bố trí 01 khu lưu chứa CTNH và phân loại rác tại nguồn theo quy định. Kho này có diện tích khoảng 21 m<sup>2</sup> (6 x 3,5 m), mái tôn che kín, tường gạch, không thấm dột, nền xi măng, cao độ nền so với sân là 0,5 m đảm bảo không bị ngập; mặt nền bảo đảm kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu và tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài.

- Dầu nhớt bôi trơn, dầu động cơ thải: Tồn tại ở dạng lỏng trong quá trình bảo dưỡng, bảo trì máy móc và các thiết bị, được thu gom cho vào thùng chứa riêng, bên ngoài có dán mã số CTNH.

- Giẻ lau dính dầu nhớt, hộp mực in thải, các loại Pin, ắc quy thải, bóng đèn huỳnh quang... tồn tại ở dạng rắn được lưu chứa riêng cho từng loại và được dán mã số CTNH bên ngoài.

CTNH phát sinh của cơ sở được được hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý đúng theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

*(đính kèm hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH ở phụ lục)*

## **5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

### **5.1. Nguồn phát sinh**

Tiếng ồn tại khu vực nhà máy chủ yếu phát sinh từ máy móc sản xuất, xe nâng hàng, xe ra vào vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm....

### **5.2. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

Công ty đã kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị máy móc, đảm bảo tình trạng kỹ thuật hoạt động tốt theo định kỳ 3 tháng/lần.

Trang bị đầy đủ cho công nhân làm việc các trang thiết bị bảo hộ lao động đầy đủ. Các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân là quần áo, nón bảo hộ lao động, khẩu trang, nút bịt tai...

## **6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

### **6.1. Sự cố cháy nổ:**

\* Nguyên nhân:

- Do vận chuyển và tồn chứa nhiên liệu nhớt, bao bì, dầu.....
- Cháy nổ lò hơi cung cấp nhiệt cho bồn hấp trong quá trình sản xuất.
- Rò rỉ các bình gas và sử dụng không đúng quy cách.
- Chập điện và phát cháy, vứt tàn thuốc bừa bãi...



### **Hình 3. 9 Hệ thống PCCC tại cơ sở**

\* Biện pháp xử lý:

- Thực hiện nghiêm chỉnh các tiêu chuẩn quy phạm, qui định về PCCC trong quá trình xây dựng và sử dụng công trình từ khâu chuẩn bị thiết kế, thi công đến nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.

- Các loại vật liệu dễ cháy, nổ phải có nơi cất giữ riêng biệt cách xa nguồn có khả năng gây nổ.

- Kho chứa, bình đựng cần bảo đảm thiết kế bộ phận an toàn, có thiết bị báo cháy.

- Công nhân trực tiếp làm việc trong các bộ phận có khả năng xảy ra cháy nổ. (lò hơi...) sẽ được tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ.

- Đầu tư các thiết bị chống cháy nổ tại các khối văn phòng và căn hộ... Bố trí hệ thống PCCC tại các khu chức năng thuận tiện cho việc chữa cháy.

- Các trục dẫn nước chữa cháy bố trí tại những khu vực phù hợp, thuận tiện cho việc lấy nước chữa cháy.

#### **6.2 Tai nạn lao động**

\* Nguyên nhân: do tính bất cẩn trong lao động, thiếu trang bị bảo hộ lao động, hoặc do thiếu ý thức tuân thủ nghiêm chỉnh về nội quy an toàn lao động của công nhân.

\* Biện pháp xử lý:

- Huấn luyện đào tạo công nhân định kỳ nâng cao tay nghề đồng thời kiểm soát chặt chẽ các thao tác kỹ thuật và kỷ luật lao động.

- Giám sát và kiểm tra về vệ sinh môi trường và an toàn lao động của công nhân theo định kỳ 1 tuần/lần; nhân

- Công ty đã trang bị các các thiết bị bảo hộ lao động đầy đủ cho công như quần áo, găng tay, nút bịt tai....

- Sử dụng nguồn nước sạch trước khi cấp nước vào nồi hơi;

- Tiến hành bảo dưỡng nồi hơi theo đúng định kỳ, theo đúng thời hạn quy định và khắc phục kịp thời những hỏng hóc trong quá trình sử dụng. Vận hành nồi hơi theo đúng thiết.

### **6.3. Sự cố về hệ thống xử lý nước thải**

Để ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động do các sự cố dẫn đến hiệu quả xử lý không đạt, công ty tiến hành áp dụng các biện pháp sau:

- Hệ thống điện được lắp đặt và vận hành theo đúng các tiêu chuẩn quy định của ngành.
- Nhân viên vận hành được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải.
- Thực hiện tốt việc quan trắc hệ thống xử lý.
- Thường xuyên vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý, tránh trường hợp hệ thống tạm ngưng để sửa chữa trong thời gian dài.
- Sửa chữa hoặc thay mới ngay các thiết bị hư hỏng như máy bơm, máy nén khí, ... của hệ thống xử lý nước thải.
- Vận hành hệ thống không vượt quá công suất thiết kế.

### **6.4. Sự cố về các hệ thống xử lý khí thải**

Nhằm đảm bảo các hệ thống xử lý khí thải lò sấy và lò hơi hoạt động hiệu quả, tránh các sự cố có thể xảy ra, công ty áp dụng một số biện pháp như sau:

- Bố trí ống khói cao 15m tại nơi thông thoáng và hạn chế được ảnh hưởng của hướng gió.
- Thường xuyên thu gom cặn lắng tại hệ thống xử lý khí thải lò hơi tránh gây nghẽn hệ thống.
- Sử dụng các loại hóa chất, vật liệu đảm bảo chất lượng và phù hợp với công nghệ xử lý.
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các hệ thống xử lý khí thải.
- Nhân viên vận hành hệ thống được đào tạo, tập huấn chuyên môn và kỹ năng vận hành, bảo dưỡng hệ thống.
- Thực hiện chương trình quan trắc để giám sát hiệu quả xử lý của các hệ thống, từ đó đề ra biện pháp cải tạo, khắc phục hợp lý đảm bảo các hệ thống hoạt động an toàn, hiệu quả. Trong quá trình thực hiện Cơ sở, nếu đề xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất

**Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường “Nhà máy sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản”**

lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Cơ sở gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan nơi có Cơ sở để chỉ đạo và phối hợp xử lý.

**7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:**

Không có

**8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:**

**Bảng 3. 7 Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường**

STT	Hạng mục thay đổi	Nội dung sau khi thay đổi	Nguyên nhân thay đổi
1	Nguyên liệu sản xuất	- Bổ sung thêm nguyên liệu sản xuất là cá tươi để làm dịch cá, dịch cá này được bổ sung làm nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất chính	Để làm tăng chất lượng sản phẩm, công ty đã nhập thêm cá tươi về ủ lên men để chiết xuất dịch cá, dịch cá này sẽ được bổ sung vào thành phần nguyên liệu sản xuất đầu vào của quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi. Các nội dung này đã được phê duyệt theo công văn số Công văn số 868/STNMT - CCBVMT, ngày 05/3/2019.
2	Hoá chất sử dụng	- Axit formic; - Men ủ cá;	Là các hoá chất được sử dụng trong quy trình ủ lên men cá.
3	Công trình bảo vệ môi trường	Đưa vào tái sử dụng HTXLNT, công suất 50 m <sup>3</sup> /ngày.đêm;	Trước năm 2016, khi chưa đưa quy trình ủ lên men cá vào sản xuất thì nước thải của công ty chủ yếu là nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại, nước rửa tay...chất lượng các loại nước thải này đã đáp ứng được tiêu chuẩn đầu vào của HTXLNT tập trung của KCN nên công ty không

**Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường “Nhà máy sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản”**

			sử dụng HTXLNT để xử lý sơ bộ. Sau năm 2016, do đưa quy trình ủ lên men cá vào sản xuất, nên đã làm phát sinh thêm nước thải từ quá trình này. Vì vậy, để đảm bảo chất lượng nước thải đáp ứng được tiêu chuẩn đầu vào của HTXLNT tập trung của KCN, công ty đã đưa vào sử dụng lại HTXLNT công suất 50 m <sup>3</sup> /ngày.đêm.
4	Hệ thống thu gom và thoát nước thải	Tất cả các loại nước thải đều được đưa về HTXLNT để xử lý trước khi thải ra đường ống thu gom của HTXLNT tập trung KCN	Theo thoả thuận với KCN Suối Dầu, công ty chỉ có 01 đường ống đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN. Vì vậy, để đảm bảo tính nhất quán của đường ống đầu nối, công ty đã đưa toàn bộ các loại nước thải này về HTXLNT để xử lý sơ bộ rồi mới thải ra đường ống thu gom chung.

**9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp (khi đề nghị cấp lại giấy phép môi trường quy định tại điểm c khoản 4 Điều 30 Nghị định này)**

Không có

**10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: Không có**

**CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải**

Nước thải sau xử lý của Công ty được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Suối Dầu, không thải trực tiếp ra môi trường (Công ty CP KCN Suối Dầu đã được Bộ TNMT cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 157/GP-BTNMT ngày 15/09/2021).

Công ty đã có thỏa thuận đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Suối Dầu theo hợp đồng dịch vụ thoát nước thải số 04/2016/HĐDVNT-KCNSD ngày 04/01/2016. Công ty cam kết vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m<sup>3</sup>/ ngày, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt theo thỏa thuận với KCN Suối Dầu.

**Bảng 1. Bảng giá trị các thông số ô nhiễm trong nước thải**

Stt	Tên chỉ tiêu	Giá trị tối đa cho phép theo Hợp đồng thoát nước thải với KCN Suối Dầu
1	pH	5,5 - 9
2	COD (mg/l)	600
3	Tổng N (mg/l)	< 80
4	Tổng P (mg/l)	< 10
5	Coliform (MNP/100ml)	< 4.500

(Căn cứ Điều 3, Hợp đồng số 04/2016/HĐDVNT-KCNSD ngày 04/01/2016)

**2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:**

**2.1. Nguồn phát sinh khí thải:** Lò hơi công suất 2 tấn hơi/giờ

**2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**

- **Vị trí xả khí thải:** toạ độ vị trí xả khí thải (theo hệ toạ độ VN hệ VN 2000, kinh tuyến trực 108<sup>0</sup>15', múi chiều 3<sup>0</sup>) là:

Vị trí	X (m)	Y (m)
Tại ống khói lò hơi	1344145	589060

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: 8.000 m<sup>3</sup>/ giờ.

- Dòng khí thải: 01 dòng khí thải sau xử lý xả thải ra môi trường.

- Phương thức xả khí thải: gián đoạn.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ( $K_p = 1$ ;  $K_v = 1$ ).

**Bảng 4. 1 Giới hạn các chất gây ô nhiễm không khí**

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn
			QCVN 19: 2009/BTNMT (Cột B, $K_p = 1$ ; $K_v = 1$ )
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200
2	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1000
3	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	850
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500

**3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:** Không

**4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại:** Không

**5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở đầu tư có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất:** Không Có

**CHƯƠNG V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

**1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải**

Theo Quyết định số 269/QĐ-STNMT, ngày 28/8/2014, của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hoà, về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất thức ăn và thuốc thú y nuôi trồng thủy sản” tại lô A1, A2 Khu Công nghiệp Suối Dầu thuộc xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà và Công văn số 848/STNMT-CCBVM, ngày 05/3/2019, của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hoà, về việc bổ sung nguyên liệu cá tươi phục vụ sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản, chương trình giám sát môi trường định kỳ đối với nước thải của cơ sở như sau:

❖ *Giám sát chất lượng nước thải:*

- Vị trí giám sát: tại điểm đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Suối Dầu.
- Tần suất giám sát: 01 lần/3 tháng.
- Các thông số giám sát: pH, COD, tổng N, tổng P, Coliforms.
- Giới hạn cho phép: theo thoả thuận trong hợp đồng đầu nối nước thải với công ty

CP KCN Suối Dầu.

Kết quả quan trắc môi trường định kỳ nước thải năm 2021-2022 của cơ sở được trình bày trong các bảng sau:

**Bảng 5. 1 Kết quả phân tích mẫu nước thải sau khi xử lý năm 2021**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Giới hạn theo quy định của KCN Suối Dầu
1	pH	-	5,88	5,90	6,12	5,52	5,5 - 9
2	COD	mg/L	93	75	57	103	600
3	Tổng N	mg/L	5,69	7,12	7,92	12,3	< 80
4	Tổng P	mg/L	0,055	0,091	0,15	0,15	< 10
5	Coliform	mg/L	3.100	4.900	1.400	3.400	< 4.500

**Bảng 5. 2 Kết quả phân tích mẫu nước thải sau khi xử lý năm 2022**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Giới hạn theo quy định của KCN
-----	--------------	-------------	-------	--------	---------	--------	--------------------------------

*Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường “Nhà máy sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản”*

							<b>Suối Dầu</b>
1	pH	-	6,12	6,77	6,85	6,96	5,5 - 9
2	COD	mg/L	121	122	110	101	600
3	Tổng N	mg/L	19,3	13,3	21,1	16,6	< 80
4	Tổng P	mg/L	0,25	0,72	0,75	3,55	< 10
5	Coliform	mg/L	3.400	2.700	3.500	3.400	< 4.500

**2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải:**

Theo Quyết định số 269/QĐ-STNMT, ngày 28/8/2014, của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa, về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất thức ăn và thuốc thú y nuôi trồng thủy sản” tại lô A1, A2 Khu Công nghiệp Suối Dầu thuộc xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa, chương trình giám sát môi trường định kỳ đối với khí thải của cơ sở như sau:

❖ *Giám sát chất lượng khí thải:*

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại ống khói lò hơi.
- Tần suất giám sát: 01 lần/3 tháng.
- Các thông số giám sát: Bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, Kp =1 và Kv = 1)

Kết quả quan trắc môi trường định kỳ khí thải năm 2021-2022 của cơ sở được trình bày trong các bảng sau:

**\* Năm 2021**

**Bảng 5. 3 Kết quả phân tích mẫu khí thải sau khi xử lý năm 2021**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	<b>QCVN 19 : 2009/BTNMT Cột B với Kp =1 và Kv = 1</b>
1	Bụi (PM)	-	23	28	45	85	200
2	CO	mg/L	566,1	688,1	755,2	799,1	1000
3	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/L	88,2	103,7	55,9	78,2	850
4	SO <sub>2</sub>	mg/L	25,3	35,9	11,2	12,3	500

**\* Năm 2022**

**Bảng 5. 4 Kết quả phân tích mẫu khí thải sau khi xử lý năm 2022**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	QCVN 19 : 2009/BTNMT Cột B với Kp =1 và Kv = 1
1	Bụi (PM)	-	112	136	112	125	200
2	CO	mg/L	863,2	725,2	752,2	799,3	1000
3	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/L	99,5	75,1	77,9	69,3	850
4	SO <sub>2</sub>	mg/L	37,5	13,9	30,1	25,6	500

### 3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo

Do lò hơi của cơ sở sử dụng đã lâu nên để đánh giá lại lưu lượng xả khí thải tối đa trong quá trình vận hành của HTXLNT, cơ sở đã tiến hành đo lưu lượng khí thải trong 03 ngày liên tiếp (15,16,17/3/2023). Kết quả thu được như sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thời gian đo		
			15/3	16/3	17/3
1	Lưu lượng	Nm <sup>3</sup> /h	7.134	6.845	7.788

## CHƯƠNG VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Theo quy định tại khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, chủ cơ sở đề xuất thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở là 01 tháng sau khi được cấp giấy phép môi trường.

#### Xác nhận

**Bảng 6.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm**

Tên công trình	Công suất	Chất lượng	Thời gian bắt đầu và kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
Hệ thống xử lý nước thải	50 m <sup>3</sup> /ngày đêm	Theo Hợp đồng số 04/2016/HĐDVN T-KCNSD	Từ ngày 01/05/2023 đến 30/05/2023	50%
Hệ thống xử lý khí thải lò hơi	Lò hơi 2 tấn hơi/giờ	QCVN 19: 2009/BTNMT (Cột B, Kp = 1; Kv = 1)		100%

### 1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Theo khoản 5 Điều 21 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022. Công ty đề xuất kế hoạch quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm các công trình, thiết bị xử lý chất thải của cơ sở như sau:

**Bảng 6.2 Kế hoạch quan trắc chất thải trong thời gian vận hành thử nghiệm**

Loại mẫu	Ký hiệu	Số lượng	Vị trí	Tần suất	Thời gian quan trắc	Thông số quan trắc	Quy chuẩn so sánh
Nước thải	NT1	01	Nước thải trước xử lý tại bể thu gom	<b>01 lần</b>	Từ ngày 01/05/2023 đến 30/05/2023	pH, COD, Tổng N, tổng P, Coliform	đạt theo thỏa thuận với KCN Suối Dầu theo Hợp

*Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường “Nhà máy sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản”*

<b>Loại mẫu</b>	<b>Ký hiệu</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Vị trí</b>	<b>Tần suất</b>	<b>Thời gian quan trắc</b>	<b>Thông số quan trắc</b>	<b>Quy chuẩn so sánh</b>
	NT2	01	Nước thải sau xử lý của hệ thống XLNT	<b>03 lần</b> (01 lần/ngày trong 03 ngày liên tiếp)			<i>đồng số</i> 04/2016/H ĐDVNT- KCNSD
Khí thải	KT	01	Ống khói khí thải lò hơi	<b>03 lần</b> (01 lần/ngày trong 03 ngày liên tiếp)		Lưu lượng, bụi tổng, SO <sub>2</sub> , CO, NO <sub>x</sub>	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, kp = 1, kv = 1)

**❖ Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch**

Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch: Trung tâm tư vấn công nghệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động (viết tắt: COSHET):

Trung tâm tư vấn công nghệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động là đơn vị có đủ điều kiện về năng lực hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo Nghị định số 127/2014/NĐ-CP, ngày 31/12/2014 của Chính phủ, quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường, Nghị định 08/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường, cụ thể:

- + Hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu: VIMCERT 026.
- + Hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường lao động theo Nghị định 44/2016/NĐ-CP số 5931/SYT-NVY.
- + Phòng thí nghiệm phân tích kiểm nghiệm hiện đại đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2017 với mã số VILAS 444.
- + Giấy chứng nhận hoạt động Khoa học và Công nghệ do Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh cấp.

## **2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật**

### **2.1 Chương trình quan trắc môi trường định kỳ**

#### **a. Quan trắc định kỳ đối với nước thải:**

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì Công ty TNHH Long Thăng thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường có mức lưu lượng xả thải nhỏ dưới 200m<sup>3</sup>/ngày. Do vậy, cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ.

#### **b. Quan trắc định kỳ đối với khí thải:**

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì Công ty TNHH Long Thăng không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ. Tuy nhiên, để kiểm soát chất lượng khí thải phát sinh, Công ty đề xuất chương trình quan trắc định kỳ đối với khí thải như sau:

#### *❖ Quan trắc khí thải*

- Vị trí quan trắc: Tại ống khói lò hơi.
- Tần suất: 03 tháng/lần.
- Thông số giám sát: Lưu lượng, Bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT cột B (Kp = 1; Kv = 1).

### **2.2 Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.**

- Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục chất thải (nước thải, khí thải) theo Khoản 2, Điều 97 và Khoản 2, Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

### **2.3 Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm:**

15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

**CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Trong thời gian 03 năm từ 2020 – 2022, tại công ty TNHH Long Thăng Có/ Không có đợt kiểm tra, thanh tra nào về môi trường.

---

## **CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

### **1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường**

Chủ cơ sở là Công ty TNHH Long Thăng cam kết đảm bảo về độ trung thực, chính xác của các số liệu, tài liệu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này. Nếu có gì sai trái, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

### **2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan**

Công ty TNHH Long Thăng cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan:

- QCVN 19:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- QCVN 26:2010 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- QCVN 27:2010 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
- Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào HTXLNT nước thải tập trung KCN do ban quản lý KCN Suối Dầu quy định.

## **PHỤ LỤC BÁO CÁO**